NGƯỜI HOA ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

DƯƠNG VĂN HUY*

Bước sang thế kỷ XIX, thời kỳ nhà Nguyễn, người Hoa vẫn là thành phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, nhất là vấn đề kinh tế thương mại. Tuy nhiên, với việc Trung Quốc bước vào giai đoạn rối ren, thể chế Trung Hoa đi vào suy yếu nhanh chóng, loạn lạc cướp bóc chiến tranh xảy ra liên miên, thì Việt Nam cũng hứng chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với vấn đề an ninh quốc gia. Nghiên cứu này góp phần nhìn nhận về "một đời sống khác" của người Hoa trong xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, đó là mặt trái của vấn đề người Hoa ở Việt Nam.

1. Hoạt động của những nhóm hải tặc người Hoa ở khu vực duyên hải Việt Nam

Trong lịch sử Việt Nam nói chung, và nhất là trong thời kỳ đầu nhà Nguyễn, vấn nạn hải tặc người Hoa được coi là một trong những vấn đề nan giải của các chính quyền quân chủ Việt Nam. Với đặc điểm là bờ biển dài, có nhiều đảo ven bờ thuận lợi cho các nhóm hải tặc ẩn nấp, và năng lực phòng chống của chính quyền có hạn, điều này khiến cho vấn nạn hải tặc là mối đe dọa thường trực đến an ninh quốc gia, nhất là hoạt động của hải tặc người Hoa. Mạng lưới thương mại ngoài biển kết nối với đường sông trong đất liền của Việt Nam khiến cho hoạt động mậu dịch ngày càng nhộn nhịp hơn. Ngoài khơi nhiều tàu bè qua lại giữa Quảng Châu, năm sau 1842, giữa Hương Cảng và các thương cảng của Đông Nam Á như Batavia, Singapore và sau năm 1862 là Sài Gòn, và phần sông Hồng. Từ rất lâu trước khi Jean Dupuis kiểm tra con đường thông thương này vào năm 1873, sông Hồng đã có ghe thuyền nhỏ lưu thông và bằng đường này, hoạt động buôn bán rất sôi nổi giữa Vân Nam và Quảng Châu hay Hương Cảng. Những tuyến thương mại nhộn nhịp đó trở thành đối tượng cho hải tặc người Hoa dọc khu vực biển từ Đông Nam Trung Quốc đến Việt Nam.

Bọn hải tặc thường đóng căn cứ hoạt động ở một số cù lao ngoài khơi tỉnh Quảng Đông hay gần đảo Hải Nam. Chúng tấn công thuyền bè ngoài khơi vùng duyên hải. Ngoài biển, trước hết chúng tấn công các

*TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

tàu vận tải của nhà nước, *giải vận chuyển, tải hàng thuyền*, rồi đến các tàu của dân, như *Đại dịch thuyền*, được triều đình Huế giao vận chuyển gạo, tiền hay của cải từ kinh đô đến các cảng của Bắc Kỳ hoặc Nam Kỳ; cuối cùng tấn công các tàu buôn của người Hoa, *Thanh thương thuyền*. Khi chúng hoạt động trên bờ thì tấn công làng xã, cướp lương thực, của cải và có khi, bắt cóc phụ nữ và trẻ em, bởi vì phụ nữ Việt Nam "*những người nhuộm răng*" nổi tiếng ở Trung Hoa là dịu dàng, cần mẫn, cho nên, người ta rất thích tìm họ để phục vụ hoặc như gái điếm ở Hương Cảng và Singapore, hoặc như người giúp việc trong nhà các gia đình người Hoa ở lục địa và ở đó có khi chủ lấy họ làm vợ lẽ (1).

Ở khu vực Bắc Kỳ, những tên cướp biển người Hoa thường hoạt động cướp bóc tại những làng chài và đảo khu vực ven biển, những nơi có nhiều mỏm đá ngầm và vịnh nhỏ. Bên cạnh đó, khu vực Trung Kỳ như Nghệ An, Huế cũng thường xuyên xuất hiện những tên hải tặc. Khu vực Vân Đồn, Tràng Sơn ở Quảng Yên, Đồ Sơn ở Hải Phòng, và Thanh Hóa thường là những địa điểm ở phía Bắc mà bọn cướp biển hướng tới. Nhất là khu vực Quảng Yên có nhiều mỏm đá ngầm, vịnh, đảo nhỏ, đó là những địa điểm lý tưởng cho các toán cướp biển mai phục các thương nhân tiến hành cướp bóc, và buôn bán phi pháp với các thương nhân. Rất nhiều Hoa thương tụ tập tại các trạm để buôn bán với bọn cướp biển. Vào năm 1802, khu vực Vịnh Bắc Bộ có nhiều giặc Thanh quấy phá, quan quân triều đình là "Tống Phước Lương và Nguyễn Văn Vân đánh phá được giặc biển ở châu Vạn Ninh. Trước là giặc biển Tề Ngôi là Trương Á Lộc ngụy xưng là thống binh, tụ đảng ở ngoài khơi, cướp bóc thuyền buôn, giặc Tây Sơn từng mượn sức để chống cự quan quân. Từ trận thua ở cửa biển Nhật Lệ, nó ngầm trốn ra ngoài biển Vạn Ninh, hoành hành cướp bóc. [...] hạ lệnh cho các địa phương duyên hải phòng bị nghiêm thêm, rồi sai trấn Yên Quảng đưa bọn giặc bị bắt giải giao cho Khâm Châu nước Thanh" (2).

Bên cạnh đó, vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829), "cửa biển Đồ Sơn trong có sông, ngoài có biển, 4 mặt thông các nơi [...] lũ gian thương thường ẩn nấp ở đó" (3). Đồng thời, ở khu vực xã Minh Châu thuộc huyện Vân Đồn của Quảng Yên ở liền bờ biển, "thuyền buôn của người Tàu đi qua đóng lén ở bãi biển gần đấy, rồi ra vào hai cửa biển và chở qua hải phận quận Hoa Phong" (4). Năm Minh Mạng thứ 19 (1838), vua Dụ bảo bộ Binh rằng: "Tỉnh Quảng Yên ở về vùng biển, địa giới liền với nước Thanh, có nhiều đảo và bãi là cho giặc cướp tụ tập" (5). Cùng năm, Nguyễn Công Trứ đã báo cáo lên Minh Mạng rằng "một dãy núi hoành sơn chạy dài đến mấy dặm [thuộc tỉnh Quảng Yên], thuyền bè của người Thanh thường đóng ở đấy, nếu tìm để đốt thì chúng sẽ tan hết, nhưng quan quân trở về thời tất nhiên lại trở lại. Nay muốn cấm tuyệt lâu dài là một sự rất khó" (6). Rõ ràng là, trong những đám thuyền bè tụ tập ở khu vực Tràng Sơn thuộc Quảng Yên có rất nhiều thuyền buôn người Thanh hoạt động buôn bán phi pháp giữa Việt Nam và Trung Quốc. Những tên buôn lậu thường xuyên chở gạo từ khu vực này đến Khâm Châu, và Liêm Châu.

Hải tặc không chỉ tập trung tại các khu vực ven biển mà còn hoạt động ở những con sông và lạch. Nhiều thuyền nhỏ chạy dọc theo sông theo dòng chảy đến biển là đối tượng cho hải tặc cướp bóc. Các nhóm hải tặc hoạt động tại các cửa biển, bãi biển có mối liên kết với hệ thống sông nước trong đất liền và chủ yếu ở các thành phố thương mại hưng thịnh ở các cửa sông Bắc Kỳ. Từ Bạch Long Vỹ đế khu vực châu thổ sông

Hồng, có rất nhiều khu vực có trụ đá ngầm, và khu vực vách đá bờ biển kéo dài hơn 60 dặm, nhiều nơi có nhiều cây cối rậm rạp, nhiều vùng trống không, nhiều nơi trũng, nhiều nơi khác lại nhô cao. Với địa hình như vậy rất khó khăn cho việc truy kích hải tặc ở đây. Hơn nữa, nhiều vùng lạch nối với các con sông và cửa sông tới cửa biển, điều này tạo nhiều cơ hội cho hải tặc tránh được sự truy kích. Và, khu vực Hải Phòng nổi tiếng với những sào huyệt của bọn cướp biển. Nơi này tạo nên các trạm dừng chân cho hải tặc vào bờ hoặc từ trong lục địa chạy ra ngoài biển khi có sự truy kích của chính quyền địa phương (7).

Hải tặc còn câu kết với thổ phỉ ở khu vực miền núi trong lục địa. Hải tặc không thể tồn tại với tư cách là nhóm cướp biệt lập được, nhiều hải tặc người Hoa đã câu kết với thổ phỉ Việt Nam tại khu vực Vịnh Bắc Bộ. Chẳng hạn như, ở Khâm Châu và Liêm Châu có nhiều thành viên của các tổ chức bí mật hoặc tàn dư của cuộc nổi loạn Thái Bình Thiên Quốc (8). Nhiều phụ nữ Việt Nam ở các khu vực bờ biển cũng thường bán gạo cho hải tặc Trung Quốc (9). Năm 1845, bọn hải tặc người Thanh Trung Quốc đã vào khu vực Vạn Ninh để thoát khỏi sự truy kích của chính quyền Trung Quốc qua khu vực biển Việt Nam. Ngoài ra, cũng có nhiều hải tặc người Thanh cướp bóc ở khu vực Thanh Hóa. Chính quyền tỉnh Thanh Hóa đã bắt được hai tên hải tặc Thanh, bắt sống đưa đến cửa khuyết. Chính quyền Huế đã sai quan quân đáp thuyền Linh phượng, giải giao sang Quảng Đông (10). Tháng 4 năm 1859, "toán giặc ở đất nhà Thanh hơn 2.000 tên đến cướp châu Tiên Yên, phủ Hải Ninh (thuộc tỉnh Quảng Yên)" (11).

Nhiều hải tặc Trung Quốc đến các khu vực bờ biển Việt Nam và ẩn nấp trong các thuyền Việt Nam (12). Nhiều hải tặc khác lại cướp bóc khu vực biên giới đường thủy giữa Quảng Đông và Phúc Kiến trong thời gian dài. Họ thường xuyên chạy tới biên giới biển của Việt Nam để xin Việt Nam ân xá khi họ bị chính quyền nhà Thanh truy kích (13). Năm 1832, Nguyễn Bảo đã âm mưu cùng với 10 tàu hải tặc Trung Quốc tiến hành cướp bóc (14). Ngoài các thuyền cướp ra, những tên hải tặc cũng thường xuyên chở lậu gạo và các hàng hóa khác cho những người Hoa khác ở khu vực biên giới đường thủy với Việt Nam hoặc cung cấp hàng hóa thương mại cho người Việt Nam (15). Những hoạt động bất hợp pháp này bị chính quyền nhà Nguyễn coi đó là những hoạt động đe dọa an toàn đối với địa vị thống trị của chính quyền cũng như gây nguy hiểm cho nền kinh tế.

Nhiều người Việt Nam cũng tham gia vào các toán hải tặc Trung Hoa và ngược lại, "trong nhiều năm, nhiều người Việt đã đến vùng biển của Quảng Đông và Phúc Kiến. Hầu như họ đã tham gia vào tàn quân của bọn cướp biển" (16). Theo các báo cáo của chính quyền, vào năm 1833, những tên hải tặc dồn dập công kích vùng biển gần kề với Việt Nam như Liêm Châu và Quỳnh Châu (thuộc Quảng Đông). Trương Xuân đã báo cáo rằng, có khoảng 30 tàu cướp biển và 100 tên hải tặc cướp bóc vùng biển gần cửa sông Hồng Loa Sa và Bạch Long Vỹ. Năm 1833, nhiều quan chức Trung Quốc đã bắt được nhiều hải tặc như Nguyễn Á Quản và những người đi theo tên này ở Trúc Sơn và vùng biển xung quanh Khâm Châu, bắt được Lý Á Đức và những người theo tên này ở huyện Hợp Phố, trong khi Lương Á Hữu, Lam Á Vãn và những tên đi theo bị bắt ở Ôn Châu. Ở đảo Gu bắt được những tên lãnh đạo của hải tặc trong đó có người Việt như Cái Hải Lão (17).

Năm 1843, nhiều hải tặc Trung Quốc đã bị bắt khi chúng tiến đến vùng biển của

Việt Nam để tấn công các thuyền buôn, và các thuyền và vũ khí của bọn chúng đã bị chính quyền Việt Nam tịch thu. Tên cầm đầu là Kim Nhị Kỷ đã thừa nhận rằng bọn chúng đã công kích khu vực biên giới thủy của Việt Nam để cướp bóc tàu thuyền (18). Nhà Nguyễn cuối cùng đã cho chặt đầu Kim Nhị Kỷ và những tên đi theo hắn để duy trì trật tự khu vực biển (19).

Hình như nạn cướp biển đặc biệt dữ dội ở vùng duyên hải Việt Nam trong những năm 1849-1851, khi cuộc nổi loạn Thái Bình Thiên Quốc nổ ra ở Trung Quốc và trong những năm 1864-1865 khi cuộc nổi loạn của những người tự xưng là con cháu nhà Lê tàn phá Bắc Kỳ. Chính quyền Tự Đức không có phương pháp nào hữu hiệu dập tắt được nên nhờ đến sự giúp đỡ của Thống đốc Nam Kỳ, Roze, vào đầu năm 1865: "Chính quyền Huế cho chúng tôi biết là vùng duyên hải của họ đầy bọn hải tặc, họ không có cách nào đuổi chúng và họ yêu cầu tôi vui lòng gửi hai chiếc tàu trong vòng hai tháng ra Đà Nẵng và cả vùng biển ngoài khơi đảo Hải Nam để giúp họ thoát khỏi tai nạn ấy. Vị thượng thư còn nói thêm là họ sẽ trả chi phí. Tôi đã trả lời là tôi không chờ đến khi họ yêu cầu mà trước đó tôi đã gửi nhiều chiến thuyền của ta truy kích bọn hải tặc, rằng tàu tuần tra của ta không chỉ hoạt động ngoài khơi lãnh thổ của ta mà còn kéo đến tận mũi Paradan (mũi Dinh), cách biên giới của chúng ta hơn 60 dặm" (20).

2. Hoạt động của những kẻ phản loạn và thổ phỉ người Hoa ở khu vực biên giới Việt - Trung

Ngoài những bọn cướp biển người Hoa gây nhiều thiệt hại cho chính quyền và người dân Việt Nam thời kỳ này, thì những nhóm thổ phỉ và quân phiến loạn người Hoa trong đất liền, ở những vùng biên viễn cũng thường xuyên quấy nhiễu sự an ninh quốc gia và gây nhiều phiền phức cho dân chúng địa phương.

Khu vực Nam Trung Hoa và khu vực Bắc Việt Nam nằm trong vùng ngoại vi hoạt động của chính quyền trung ương Việt Nam và Trung Quốc. Việc đi lại của thương nhân và lưu chuyển người giữa hai bên qua khu vực biên giới trên bộ diễn ra mạnh mẽ. Khu vực này được bọn thổ phỉ quan tâm đến như một vùng an toàn để trú ngụ mỗi khi bị chính quyền Việt Nam truy kích và ngược lại. Các cuộc nổi loạn ở khu vực này thường gắn liền với các hoạt động cướp bóc gây nên tình trạng bất ổn định và đe dọa đến tình hình an ninh quốc gia. Bọn thổ phỉ thường xuyên được bọn phiến loạn dùng đến để tăng thêm thực lực nhằm uy hiếp đối với chính quyền hiện tại. Cho nên, cả chính quyền nhà Nguyễn và nhà Thanh dùng từ *Tặc* hoặc *Phỉ* để miêu tả bọn nổi loạn và bọn cướp.

Trong sử sách triều Nguyễn, những tên gọi như bọn "*Thanh địa cổ phỉ*" (giặc cướp từ Trung Quốc đến), "*Thanh địa y phỉ*" (giặc cướp từ Trung Quốc sang ẩn náu) thường xuyên xuất hiện trong những trang ghi chép các sự kiện diễn ra ở Bắc Kỳ. Đó là tên gọi của các nhóm thổ phỉ người Thanh, xâm nhập vào Việt Nam bằng đường bộ với số lượng khá đông, có lúc hàng vạn người, trang bị vũ khí khá mạnh, tạo sự bất ổn trong cả một vùng rộng lớn dọc theo biên giới Việt Nam và Trung Quốc. Tình hình chính trị, xã hội Trung Quốc, nhất là các biến động ở vùng Hoa Nam chi phối các đặc điểm, tính chất của các nhóm Thanh phỉ. Thành phần chủ yếu của các nhóm Thanh phỉ là những người nông dân bị bần cùng hoá vì chiến tranh loạn lạc và suy thoái về kinh tế; kế đó là những quan binh cấp thấp bất mãn với triều đình vì nhiều lý do, túng

cùng đã ly khai đi làm thổ phỉ. Cuối cùng, có một thành phần quan trọng là những nhóm tàn binh của phong trào Thái Bình Thiên Quốc, trong đó nổi tiếng nhất là quân Cờ Trắng, Cờ Đen, Cờ Vàng của Bàn Văn Nhị, Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Sùng Anh. Tất cả đều bị quan quân triều đình Mãn Thanh truy đánh dữ dội phải tìm đường vượt biên giới sang Việt Nam.

Trước hết, những nhóm phản loạn người Hoa hoạt động mạnh mẽ ở khu vực biên giới Việt - Trung đã gây bất ổn thường xuyên ở khu vực này, tác động đến tình hình an ninh của cả phía Việt Nam và Trung Quốc. Thế kỷ XIX, khu vực Bắc Kỳ Việt Nam, nhiều quân phiến loạn và bọn thổ phỉ có câu kết thường xuyên với nhau. Một số toán thổ phỉ tham gia vào các cuộc nổi loạn và chống lại chính quyền trung ương nhà Nguyễn. Đối với chính quyền nhà Nguyễn, cả hai nhóm này đều được gọi là *phỉ*. Những bọn cướp bóc tham gia vào các toán quân phiến loạn và đe dọa đối với chính quyền trung ương gọi là *nghịch phỉ*, và chính quyền cố gắng tiêu diệt chúng. Những toán cướp không tham gia vào các toán nổi loạn thì được gọi là *Sơn tặc* hoặc *Sơn phỉ*. Chính quyền trung ương cũng cố gắng đàn áp chúng.

Thông thường, khi những toán cướp nhỏ lẻ không tham gia vào các toán quân phiến loạn hoặc đe dọa đến an ninh quốc gia, chính quyền rất ít khi tiết trừ họ trên bình diện rộng. Tuy nhiên, nhà Nguyễn cũng tiêu diệt những nhóm chống đối triều đình bao gồm cả nhóm nổi loạn cho đến cướp bóc. Vì thế, những toán cướp và toán nổi loạn tách ra thành từng nhóm riêng lẻ hoạt động đã có sự liên kết chặt chẽ với nhau ở khu phía Bắc Việt Nam và khu vực Đông Nam Trung Quốc trong thế kỷ XIX.

Từ những năm 50 của thế kỷ XIX trở đi, cướp bóc ở khu vực Bắc Việt Nam bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những cuộc nổi loạn ở Đông Nam Trung Hoa. Nhiều tên phỉ Trung Quốc, một số theo toán chính chạy sang khu vực Bắc Việt Nam và khuấy động chiến tranh chống lại chính quyền địa phương. Các cuộc nổi loạn của người Hồi do Đỗ Băn Tú lãnh đạo ở Vân Nam ảnh hưởng đến khu vực biên giới phía Bắc Việt Nam. Gần với khoảng thời gian này, cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc bắt đầu từ Lưỡng Quảng, sau đó nhanh chóng lôi cuốn các vùng xung quanh trong khu vực Nam Trung Hoa. Khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc cùng với các cuộc khởi nghĩa ở nhiều địa phương ở Quảng Tây, Trung Quốc trong giai đoạn này, đã ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh quốc gia khu vực nội địa Việt Nam và gây ra tâm trạng hoang mang không yên ổn ở đây. Một ví dụ dễ thấy là bọn phỉ Ba Đường ở Thái Nguyên vào năm 1851, bọn phỉ này bao gồm Quảng Nghĩa Đường, Đức Thắng Đường và Lục Thắng Đường. Nhiều tên phỉ người Hoa như Hoàng Tặc ở Tây Sơn (1854) và Tạ Văn Phụng ở Bắc Việt Nam (1861) cũng tham gia và kích động nhiều cuộc nổi dậy ở Việt Nam.

Do những bất ổn về mặt xã hội, trong cả hai nước, những toán cướp người Hoa sống ngoài vòng pháp luật vượt biên giới Trung - Việt. Nhưng dưới triều Tự Đức, trong khi Trung Hoa ngày càng suy yếu, bị các cuộc chiến tranh Nha phiến và loạn Thái Bình Thiên Quốc đả phá, điều này khiến cho Việt Nam phải hứng chịu nhiều hậu quả từ phía thổ phỉ cướp bóc từ Trung Quốc tràn sang, một mặt bởi vì lần này bọn phỉ tràn sang đông hơn, hàng nghìn tên, và thành nhóm hẳn hoi. Mặt khác, bọn chúng được vũ trang tốt, đặc biệt hỏa lực của chúng hơn hẳn biền binh Việt Nam. Chẳng hạn

vào tháng 5 năm 1851, có 7.000 tên do Hoàng (Nhị) Văn cầm đầu vượt qua biên giới tiến vào Lạng Sơn, đánh bại cơ binh của tỉnh Lạng Sơn, gây tổn thất khoảng 1.000 người. Triều đình Huế lập tức gửi 4.000 quân từ Hà Nội lên nhưng bọn phỉ tránh giao chiến và tản ra trong rừng núi. Vùng thượng du các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hóa là vùng rừng rậm, bệnh sốt rét hoành hành ở đó và người ta không thể trồng lúa. Khi chính quyền Việt Nam cử quân đến các vùng ấy, phải mang theo lương thực và đạn dược từ đồng bằng sông Hồng. Mặc dù vua Tự Đức luôn nuôi hy vọng trục xuất bọn phỉ nhưng không thể nào đánh chúng bằng những đòn nặng và truy kích đến tận sào huyệt. Quân Việt Nam chỉ có thể đẩy lùi chúng lên miền núi khi chúng tràn xuống vùng trung du. Còn việc bảo vệ xóm làng, chính quyền địa phương giao cho dân quân (21).

Trong những năm từ 1850 đến năm 1860, văn bản còn lưu tên của ba thủ lĩnh hoạt động đặc biệt tích cực là Hoàng Nhị Văn, Lưu Sĩ Anh và Lý Đại Xương. Bọn này có sào huyệt trong vùng rừng núi các tỉnh Cao Bằng và Thái Nguyên.

Những di dân người Hoa cũng đã gây nhiều khó khăn cho chính quyền. Các di dân này đã đưa vào Việt Nam những tổ chức hội kín có nhiều ảnh hưởng chính trị, như *Bạch liên giáo* hay *Thiên địa hội*. Có khi những lãnh tụ của các hội kín này đã giúp nhà cầm quyền Việt Nam như Hà Văn Hỷ, người đảng Bạch Liên giáo tỉnh Tứ Xuyên, đã đem binh thuyền thuộc hạ theo giúp chúa Nguyễn Ánh năm 1787 và được chúa Nguyễn trao cho chức *Quản Tuần hải đô dinh đại tướng quân*, nhưng thường họ lại có những hành động chống chính quyền. Năm 1803, người Triều Châu là Lý Hòa Nguyên họp bọn đánh cướp mỏ Phúc Tinh ở Thái Nguyên. Khi loạn Lê Văn Khôi bùng nổ ở Gia Định, nhiều người Hoa đã hưởng ứng nổi loạn: riêng ở Gia Định, quan quân triều đình đã bắt được hơn 800 người Hoa theo Lê Văn Khôi vào năm 1833; cũng vào năm 1833, Hoa kiều ở Hà Tiên nổi dậy dưới sự cầm đầu của Lâm Đại Mạnh, giết chết viên tri huyện Long Xuyên và cướp bóc trong tỉnh hạt; ở Bắc Kỳ, Hoa kiều khai mỏ trong các vùng Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, hưởng ứng đông đảo hoạt động chống chính phủ của em Lê Văn Khôi là Lê Văn Khoa, làm triều đình phải phái quân đi dẹp.

Bên cạnh đó, những hoạt động của thổ phỉ người Hoa đã kết hợp với người Việt ở khu vực biên giới Việt - Trung tiến hành cướp bóc gây rối an ninh trật tự cả hai phía biên giới hai nước. Khu vực biên giới Trung - Việt là nơi ẩn trốn cho bọn phỉ từ Việt Nam và ngược lại, khu vực biên giới Việt - Trung lại là chỗ ẩn náu lý tưởng cho bọn phỉ Trung Hoa. Do vậy, bọn phỉ Việt Nam và Trung Hoa thường qua lại khu vực biên giới Việt - Trung trong thế kỷ XIX. Nông Văn Vân, khi bị triều đình Huế truy kích cũng chạy sang Trấn Yên thuộc Quảng Tây, và thường xuyên tìm nơi lánh nạn ở Quảng Tây (Trung Quốc), Tuyên Quang, Thái Nguyên ở Bắc Việt Nam (22). Những đồng đảng của Nông Văn Vân như Nông Tông Hạc và Nông Quảng Trực, Hoàng Ích Hoa, Hoàng Ích Đàn cũng dùng khu vực biên giới Việt - Trung như một nơi trú an toàn khi nhà Nguyễn đánh bắt chúng. Nông Hồng Thạc, có tên chạy tản vào biên ải Tứ Bang, Thuận Châu giáp với nước Thanh, cũng có tên chạy tản vào rừng để trốn (23). Đối với những đám thổ phỉ người Hoa ở khu vực Đông Nam Trung Quốc, thì phía Bắc Việt Nam là nơi để tổ chức lại các hoạt động khi họ bị chính quyền Trung Quốc truy kích. Ngô Á Trung và Tạ Ba cùng đồng bọn của chúng như nhóm *Phỉ Đường* có mạng lưới

rộng cả trong khu vực Lưỡng Quảng trong những năm 50 thế kỷ XIX. Khi chúng bị viên quan tư lệnh quân đội tỉnh là Phùng Tử Tài truy kích đã chạy sang khu vực Bắc Việt Nam (24). Chính quyền nhà Thanh lại tiến hành truy kích Ngô Á Trung, và hắn phải chạy sang Cửu Phong ở Bắc Việt Nam đến 3 lần (25). Bên cạnh đó, Triệu Hoa Đan, một trong những đồng đảng của Ngô Á Trung, đã chạy sang Lũng Tỳ và Cốc Canh ở khu vực Bắc Việt Nam.

Từ những năm 50 của thế kỷ XIX trở đi, bọn thổ phỉ người Hoa tăng lên ở khu vực biên giới Việt - Trung và xâm nhập trực tiếp vào khu vực Bắc Kỳ và cướp bóc trong khi các cuộc khởi nghĩa và nổi dậy đang được quét sạch ở khu vực Nam Trung Hoa. Biên giới Việt - Trung tràn ngập bọn thổ phỉ người Việt và người Hoa. Tháng 4 năm 1849, "Châu Khâm thuộc nước Thanh đưa thiếp báo hạt châu ấy có bọn giặc ở núi hơn 1.000 người, nổi dậy đi cướp bóc bừa bãi, ngoài biển có hơn 70 chiếc thuyền giặc lửng lơ đi quấy rối. Quan tỉnh Quảng Yên đem việc tâu lên. Vua ra lệnh cho các tỉnh có bờ cõi giáp biển, phải chiếu theo địa hạt mà canh phòng nghiêm ngặt; lại phái thuyền tuần biển đi vây đánh" (26). Tháng 6 năm 1849, "cổ phỉ (27) là đất nước Thanh hơn 2.000 người quấy rối châu Khâm, dời đóng đồn ở các phố Bắc Luân và Na Lương (giáp xóm Na Ba, xã Bắc Nhan, châu Vạn Ninh). Bố chính Quảng Yên là Nguyễn Khoa Dục sức viên châu sở tại chiếu theo địa hạt canh phòng, và đem việc ấy tâu lên. Vua sai phái thêm 100 lính tỉnh đến. Tỉnh Hải Dương phái Phó quản cơ là Nguyễn Sĩ đem 300 biền binh đến Quảng Yên do Phó lãnh binh là Trần Bảo Thư cai quản cả, đem đến châu Vạn Ninh chặn giữ nghiêm ngặt" (28). Tháng 4 năm 1851, "Cổ phỉ hạt nước Thanh là Hoàng Văn kéo đến quấy nhiễu tỉnh Lạng Sơn. Lãnh binh là Nguyễn Xuân Thường cùng giặc đánh nhau ở xã Bảo Lâm bị thua" (29). Tháng 1 năm 1853, bọn cướp người Hoa cướp bóc ở Quảng Yên (30). Vào thời kỳ Tự Đức, phía Bắc Việt Nam, hoạt động của bọn phỉ người Hoa ở biên giới Việt - Trung ngày càng mạnh mẽ hơn các thời kỳ trước đó, nhất là các cuộc nổi loạn, cướp bóc diễn ra nhiều hơn.

Đến cuối thế kỷ XIX, quân Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc đã đánh chiếm Bảo Thắng ở Bắc Kỳ. Trong thời gian này, nhiều toán phỉ người Hoa ở Bắc Kỳ có vai trò đáng kể trong các cuộc nổi loạn ở khu vực này. Nhiều người Hoa chạy đến Việt Nam và tham gia vào các cuộc khởi nghĩa ở địa phương, một số khác vượt qua biên giới để cướp bóc đơn độc, và số khác thông đồng với bọn phỉ địa phương ở Việt Nam.

3. Người Hoa tham gia vào các cuộc nổi loạn ở Việt Nam

So sánh với cuộc nổi loạn của Nông Văn Vân, các cuộc nổi loạn khác như của Phan Bá Dung và Lê Duy Lương cùng với các toán phỉ nhỏ như của Lý Khai Ba ở Hưng Hóa đều không khó để chính quyền trung ương có thể tiêu diệt. Cho nên, những cuộc nổi dậy quy mô nhỏ không kéo dài được lâu. Tuy nhiên, cuộc nổi loạn của Nông Văn Vân gây ra căng thẳng đối với triều Nguyễn, và diễn ra trên phạm vi rộng. Cuộc khởi nghĩa này cùng với những cuộc khởi nghĩa nhỏ lẻ khác khiến cho chính quyền trung ương phải đau đầu.

Những sự kiện này đã lôi kéo người Hoa tham gia vào các cuộc nổi dậy ở khu vực Bắc Kỳ. Tháng 7 năm 1826, Phan Bá Vành hoạt động cùng với 5.000 người, bao gồm những tên thổ phỉ và hải tặc người Hoa, nhằm tấn công cướp bóc Hải Dương (31). Toán thổ phỉ do Đinh Công Thự lãnh đạo cũng có sự tham gia của nhiều người Hoa (32). Mặt khác, có 3.000 thợ mỏ người Hoa

cũng nằm trong những cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi (33). Những toán cướp được lãnh đạo bởi Nông Văn Vân chủ yếu là người Hoa và những người địa phương vùng Bắc Kỳ. Ngoài những người Hoa làm nông nghiệp thì đa phần họ là thương nhân, thợ khai mỏ, và những người bán rong sống xung quanh biên giới Việt - Trung. Theo như lời tâu của Nguyễn Đình Phổ ngày mồng 8 tháng 10 năm Quý Tỵ (1833), thì "người thổ mán sở tại và người Thanh ở các mỏ sắt, vàng, bạc [ở tỉnh Thái Nguyên] hưởng ứng rất nhiều (34). Vào năm 1833, với sự trang bị các loại vũ khí và súng, theo như bản tâu của Nguyễn Đình Phổ vào ngày 16 tháng 8 năm 1833 thì, "thủ hạ của thổ phỉ Nông Văn Vân, châu Bảo Lạc, tỉnh Tuyên Quang là Hồng Nhân đem đồ đảng lên đến 14 xã ở hai tổng Thượng Giáo, Hạ Giáo, châu Bạch Thông tỉnh ấy, cám dỗ nhân dân đi theo ngày càng nhiều. [...] quân [giặc] ước hơn 2.000 người, đều là người Thanh, người Nùng, người Thổ, có nhiều súng tay, súng quả sơn, các thứ cờ, trống, khí giới. Quân binh tỉnh ấy [Tuyên Quang] có ít không địch nổi, phải lui về phố Nà Cù, trang Cẩm Giàng, huyện Cảm Hóa đóng đồn chống giữ" (35). Có những lúc, đồ đảng của Nông Văn Vân bao gồm cả người Hoa và người Việt tập trung với số lượng lớn cả vạn người. Theo như lời tâu của Lê Bình Trung thì, "bọn giặc tập hợp người Thanh, người Thổ, người Nùng, người Mán ở phố Ninh Biên (Tuyên Quảng) đồn Ninh Biên, ước không dưới vạn người" (36). Nông Văn Vân lôi kéo được cả những kẻ phản loạn người Việt và người Hoa. Năm 1833, theo báo cáo của Nguyễn Hựu Tiêu (ngày 20 tháng 8), "thấy xứ Suối Lao ở biên giới phủ Trấn Yên, nước Tần [Trung Quốc] có giặc ước 200 tên, và ở 3 xứ Lũng Mật, Lũng Dầu, Tiểu Giáp châu Bảo Bạc có 5 đồn liền nhau, số quân ước hơn 2.000 tên, trong số ấy có hơn 200 người Thiều Châu, có Hoàng A Liên đứng đầu, hiện còn đóng chiếm ở vùng địa giới, chưa dám làm gì, đợi giặc Vân [Nông Văn Vân] về điều khiển" (37). Bên cạnh đó, Tuần phủ Lạng - Bình là Hoàng Văn Quyền tâu nói rằng, "tỉnh Cao Bằng báo rằng: do thám thấy lũ giặc Tuyên Quang đặt 5 đồn liên tiếp ở các xứ Mật Lũng, Du Lũng và Bế Lãnh, tiếp giáp phủ Trấn Yên nhà Thanh, độ hơn 2.000 quân ở Thiều Châu, do Hoàng A Liên làm chủ xướng. Xin đem việc ấy thông báo phủ Thái Bình, chuyển báo phủ Trấn Yên biết để phái quân ngăn chặn theo địa giới hạt mình" (38).

Những hoạt động chống đối này ảnh hưởng đến an ninh, chủ quyền quốc gia, nên chính quyền chú ý thi hành nghiêm ngặt. Mặt dù nhà Nguyễn luôn đề cao đạo lý nhu viễn nhân, nhưng trong lĩnh vực an ninh quốc gia, thái độ của các vua nhà Nguyễn hết sức kiên quyết, những người Hoa chống đối chính quyền thường bị thẳng tay trừng trị, nhất là các cuộc khởi nghĩa của người Hoa chống lại triều đình như cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi vào giữa năm 1833 đến 1835. Đồng thời với việc dẹp yên khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, nhà Nguyễn cũng vỗ về đối với những người Hoa không liên can tới cuộc khởi nghĩa này. Tháng 9 năm 1833, Vua Minh Mạng đã có Dụ Bộ Binh như sau: "Bọn người Thanh ngụ ở Phiên An trước đều là nghèo túng không có chỗ nương tựa, sang nước ta là đất yên vui để làm ăn sinh sống đã lâu, lại không yên lành, đi theo bọn giặc, bọn quân chống lại quan quân, đến nỗi chụm đầu chịu giết, đó đều chúng tự làm ra" (39).

Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi duy trì được 3 năm (từ 1833 đến 1835) và được sự ủng hộ mạnh mẽ của những người Hoa ở Nam Kỳ, và địa bàn cuộc nổi dậy nhanh chóng lan tỏa ra nhiều khu vực và làm chủ

hầu như các tỉnh Nam Kỳ, trên một bình diện nào đó thì đây là những tham vọng của những phe cánh phong kiến muốn nổi dậy thoát khỏi sự kiểm soát của triều đình để trở thành một thế lực riêng ở địa phương, và ở đây chúng tôi nhấn mạnh sự ủng hộ mạnh mẽ của yếu tố người Hoa nhất là các điền chủ lớn người Hoa, bởi thời kỳ Gia Long, người Hoa ở đây được nhiều ưu ái do đã giúp Gia Long đánh bại quân Tây Sơn giành lại chính quyền, nhưng đến thời Minh Mạng, chính sách với người Hoa đã thay đổi, họ không còn nhận được sự ưu ái từ phía chính quyền trung ương nữa, nên quay sang ủng hộ Lê Văn Khôi với hy vọng có thể lấy lại được những đặc quyền họ được hưởng trước kia. Nhưng cuộc nổi dậy thất bại, và vua Minh Mạng càng xiết chặt việc quản lý đối với người Hoa hơn nữa.

Những sự kiện như trên khiến chính phủ dè dặt trong việc để Hoa kiều nhập cảnh. Tháng 3 năm 1834, nhân có 2 chiếc thuyền nhà Thanh đến buôn bán, hành khách đến 800, 900 người tới Gia Định (40), Minh Mạng đã xuống dụ như sau: "Năm ngoái, tên giặc Khôi làm phản, có nhiều người nhà Thanh a dua, mang lấy tội chết. Nay bọn khách đáp thuyền này đến đây, lại không có bang trưởng chịu trách nhiệm cam kết bảo đảm" (41). Lệnh ấy được nhắc lại năm 1835, khi vua chỉ dụ cho Bộ Hộ, nhân có 4 thuyền người Hoa đến cửa biển Cần Giờ: "Triều đình mềm mỏng vỗ về người phương xa, cũng không cấm đoán gì. Có điều là những thuỷ thủ và khách đáp thuyền ấy phần nhiều là hạng nghèo túng, vô lại, phải truyền dụ quan tỉnh cho phép chúng đến chỗ gần sông Tam Kỳ, đổi chác mua bán như thường, nhưng nghiêm cấm không cho một khách nào đáp lên bờ và hạn cho trong 4 - 5 tháng phải ra khơi quay về" (42). Cũng với mục đích loại những kẻ bất hảo khỏi các tỉnh Nam Kỳ, cho nên, vào tháng 12 năm 1836, sau khi đã thiết lập nền bảo hộ trên đất Chân Lạp, vua Minh Mạng ra lệnh cho 6 tỉnh Nam Kỳ: "Phàm trong hạt có người nhà Thanh nghèo thiếu, và khách đáp thuyền mới đến, tình nguyện ở lại thì cho đưa đến thành Trấn Tây (43), chọn đất cho ở, chia lập ra ấp, lý, cho khai khẩn đất bỏ không. Người nào không có vốn thì nhà nước cấp cho thóc giống và đồ làm ruộng; sau 3 năm, chiếu theo số người, số ruộng, xếp thành sổ sách, tâu lên" (44).

Vấn đề đạo tặc, nổi loạn của người Hoa diễn ra đặc biệt nghiêm trọng thời kỳ nhà Nguyễn, nhất là thời kỳ vua Minh Mạng và Tự Đức trị vì, vấn đề này liên quan đến những bất ổn về chính trị xã hội ở Trung Quốc nhất là khu vực phía Nam Trung Hoa, và đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới Việt Nam. Bên cạnh đó, so với thời kỳ Gia Long, các vua nhà Nguyễn sau đó, đã tước bớt nhiều quyền lợi kinh tế của người Hoa khiến họ bất mãn và nhiều bộ phận tham gia vào những toán quân phiến loạn, quân nổi dậy chống lại triều đình.

*

Tóm lại, những hoạt động quấy nhiễu của người Hoa nửa đầu thế kỷ XIX đã trở thành một vấn nạn đối với vấn đề an ninh quốc gia của nhà Nguyễn. Việc dẹp yên được bọn Hải tặc và thổ phỉ người Hoa đã trở thành vấn đề nan giải đối với triều đình nhà Nguyễn bởi vấn đề này không chỉ nằm trong nội bộ lãnh thổ Việt Nam mà là vấn đề mang tính quốc tế bởi sào huyệt và khu vực hoạt động chính của bọn hải tặc và thổ phỉ không phải trên lãnh thổ Việt Nam mà chủ yếu trên lãnh thổ Trung Quốc, nên việc tiễu trừ tận gốc là một điều không thể đối với nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, nhà Thanh thời kỳ này đang suy yếu nghiêm trọng, hải tặc và thổ phỉ, cũng như những cuộc nổi

dậy của người dân ngày càng gia tăng. Chính quyền nhà Thanh cũng không đủ sức để dẹp yên được vấn đề này. Mặt khác, tệ nạn này có xu hướng ngày một gia tăng, và những hoạt động cướp bóc của chúng ở Việt Nam cũng vì thế mà tăng theo. Mặt khác, khi chính thể Việt Nam có chiều hướng suy yếu đi thì hoạt động hoành hành của đạo tặc người Hoa càng tăng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, xã hội của Việt Nam, nhất là những khu vực ven biển, cửa sông, và những khu vực biên giới giáp ranh với nhà Thanh. Đồng thời, việc đạo tặc lộng hành càng khiến cho uy tín của triều đình nhà Nguyễn giảm đi rất nhiều.

Cùng với những bộ phận người Hoa là những tên cướp biển và thổ phỉ hoạt động vùng duyên hải và biên giới ra thì trong nội địa Việt Nam nhiều người Hoa khác cũng tham gia vào các cuộc nổi dậy khởi nghĩa chống chính quyền, một số là lãnh tụ của các cuộc nổi dậy có quy mô lớn, điều mà chúng ta rất ít gặp trong các thời kỳ lịch sử trước đây. Điều này phản ánh rằng người Hoa đã thâm nhập quá sâu vào trong đời sống xã hội Việt Nam, số lượng người Hoa tăng lên rất nhiều và phạm vi cư trú cũng rộng hơn. Đồng thời, được sự hỗ trợ của những người Hoa vốn là những tên hải tặc và thổ phỉ, nên nhiều người Hoa đã mạnh dạn nổi dậy chống chính quyền. Mặt khác, điều này cũng phản ánh sự suy yếu của chính quyền trong việc kiểm soát và quản lý người Hoa trên lãnh thổ của mình, và đã để cho họ có cơ hội để hoành hành.

Có thể nói, người Hoa một mặt có nhiều đóng góp cho lịch sử phát triển của Việt Nam qua nhiều thời kỳ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế thương mại. Tuy nhiên, một bức tranh khác về nhân tố người Hoa ở Việt Nam, đó là những hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế - xã hội và an ninh trật tự của Việt Nam không hề nhỏ. Cho nên, lịch sử đã chứng minh, việc quản lý đối với người Hoa của các chính quyền Việt Nam nhiều thời kỳ là một vấn không hề đơn giản.

CHÚ THÍCH

(1). The North China Herald (Nhật báo tiếng Anh phát hành ở Thượng Hải, 7-7-1882, dẫn từ Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, Ban KHXH Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 149.

(2). *Đại Nam thực lục* (Đệ nhất kỷ Q.XVIII- Thực lục về Thế cao tổ Hoàng đến), tập 1, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 509.

(3). *Minh Mệnh chính yếu*, Quyển XXIII, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2009, tr. 1641.

(4), (5), (6). *Minh Mệnh chính yếu*, Quyển XXIII, sđd, tr. 1641, 1668, 1668.

(7). Course, Captain A.G. *Pirates of the Eastern Seas*. Muller, 1966, p. 165.

(8). Trịnh Quảng Nam, *Lịch sử cướp biển Trung Quốc*, Thượng Hải: Hoa Đông Lý công xuất bản xã 1998, tr. 313–314; Janin, Hunt. *The India-China opium trade in the nineteenth century*. Jefferson, NC: McFarland & Company, 1999, p. 143.

(9). Antony, Robert J. *Like froth floating on the sea: the world of pirates and seafarers in late imperial south China*. Berkeley, Calif: Institute of East Asian Studies, 2003, p. 114.

(10). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, Đệ tam kỷ Q. XLVIII- Thực lục về Hiến tổ Chương Hoàng đế, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 733.

(11). *Đại Nam thực lục*, tập 7. Đệ tứ kỷ Q.XX- Thực lục về Dực tông Anh hoàng đế, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.619.

(12). *Nhân Tông thực lục*, Q.11, tr. 15-16. trong *Thanh Thực lục sử liệu trích sao*, Vân Nam Nhân dân xuất bản xã, 1985, tr. 273.

(13). *Nhân Tông thực lục*, Q.106, tr. 22-23, trong *Thanh Thực lục sử liệu trích sao*, sđd, tr. 282.

(14). Về sự kiện Nguyễn Bảo, *Đại Nam thực lục* chép: "Tên tướng giặc trốn ở Quảng Yên là Nguyễn Bảo, cùng với tên phỉ người nhà Thanh là Chung A Phát, tụ tập các thuyền chài, lấy núi Tràng Sơn ở phía đông và phái tây làm nơi sào huyệt. (Núi Tràng Sơn có tên là Giáp Chân, ở giữa biển cả thuộc hải phận Vân Đồn, liên tiếp với Bạch Long Vĩ ở Trúc Sơn nhà Thanh). Thường nhân lúc sơ hở tạm đóng ở ngoài biển, làm nguy hại dân buôn. Phó quản cơ ở cơ Tiền nhuệ là Nguyễn Văn Thẩm do tỉnh sai phái đã đem binh thuyền đi tuần tiễu, trông thấy 6 chiếc thuyền giặc đang chạy ra ở ngoài biển, thì những thuyền ấy Thẩm đuổi theo chạy cả về phía đông." *Đại Nam thực lục*, T.3. Đệ nhị kỷ Q. LXXVIII- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, Nxb Giáo dục, 2007, tr. 290-291.

(15). *Nhân Tông thực lục*, Q.199, tr. 19-20, trong *Thanh Thực lục sử liệu trích sao*, sđd, tr. 290.

(16). *Nhân Tông thực lục*, Q.102, tr. 8-11, trong *Thanh Thực lục sử liệu trích sao*, sđd. tr. 281.

(17). *Nhân Tông thực lục*, Q.226, tr. 25-30, trong *Thanh Thực lục sử liệu trích sao*, sđd, tr. 301

(18). *Nhân Tông thực lục*, Q.395, tr. 26-27, trong *Thanh Thực lục sử liệu trích sao*, sđd, tr. 320.

(19). *Đại Nam thực lục*, tập 6, Dệ tam kỷ Q. XXXI- Thực lục về Hiến tổ Chương Hoàng đế, sđd, tr. 504 .

(20). AOM Paris, Đông Dương A30 (8), Thư tín, báo cáo của phó đô đốc Roze, Thống đốc Nam kỳ, An Nam và Campuchia, 1865-1866, Sài Gòn 29-3-1865. Dẫn theo, Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, Ban KHXH Thành ủy Tp. HCM, 1990, tr.150.

(21). Shiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, Ban KHXH Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr.153.

(22). *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Tập 1 - *Khâm Định Tiễu Bình Bắc kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên* (Quyển hai), Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, Quyển 71, tr.790.

(23). *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Tập 1 - *Khâm Định Tiễu Bình Bắc kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên* (Quyển một), Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, Quyển 39, tr.1142.

(24). *Thái Bình Thiên Quốc cách mạng thời kỳ Quảng Tây nông dân khởi nghĩa tư liệu biên tập tổ*], trong *Thái Bình Thiên Quốc cách mạng thời kỳ Quảng Tây nông dân khởi nghĩa tư liệu*, Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục 1978, p. 496.

(25). Trương Nguyệt Khanh, *Đường phỉ tổng lục*, Đài Bắc: Học sinh thư cục 1972, Q. 11, tr.220.

(26), (28). *Đại Nam thực lục*, Tập 7. Đệ tứ kỷ Q. IV- Thực lục về Dực tông Anh hoàng đế, sđd, tr. 127, 133.

(27). *Cổ phỉ*: tức là mấy bọn giặc hợp lại với nhau.

(29). *Đại Nam thực lục*, Tập 7. Đệ tứ kỷ Q.VI- Thực lục về Dực tông Anh hoàng đế, sđd, tr.199.

(30). *Đại Nam thực lục*, Tập 7. Đệ tứ kỷ Q.IX- Thực lục về Dực tông Anh hoàng đế, sđd, tr.262.

(31). *Đại Nam thực lục*, Tập 2. Đệ nhị kỷ Q. XLII- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.558.

(32). *Đại Nam thực lục*, Tập 3. Đệ nhị kỷ Q. XCI- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.511.

(33). *Đại Nam thực lục*, Tập 3. Đệ nhị kỷ Q. CIX- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr. 836.

(34). *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Tập 1 - *Khâm Định Tiễu Bình Bắc kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên* (Quyển một), Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, Quyển 25, tr.763.

(35), (36). *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Tập 1 - Khâm Định Tiễu Bình Bắc kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên (Quyển một), Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, Quyển 20, tr. 619, 625, 629.

(37). *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Tập 1 - *Khâm Định Tiễu Bình Bắc kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên* (Quyển một), Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, Quyển 21, tr. 648.

(38). *Đại Nam thực lục*, Tập 3. Đệ nhị kỷ Q. CIV- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.746.

(39). *Đại Nam thực lục*, Tập 3. Đệ nhị kỷ Q. CVII- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.801.

(40). *Đại Nam thực lục*, T.ập 4. Đệ nhị kỷ Q. CXXII - Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.120.

(41). *Đại Nam thực lục*, Tập 4. Đệ nhị kỷ Q. CXXII - Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.120.

(42). *Đại Nam thực lục*, Tập 4. Đệ nhị kỷ Q. CXLII- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.489.

(43). Trước là đồn An Man ở Nam Vang, được đổi làm thành Trấn Tây để làm trung tâm của nền bảo hộ trên xứ Chân Lạp.

(44). *Đại Nam thực lục*, Tập 4. Đệ nhị kỷ Q. CLXXVI - Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, sđd, tr.1067.

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG THỜI THUỘC ĐỊA

(Tiếp theo trang 38)

CHÚ THÍCH

(1). Gilles Raffi, *Hải Phòng - Nguồn gốc, điều kiện và thể thức phát triển cho đến năm 1921*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Provence Pháp, 1994, (Bản dịch tại Trung tâm KHXH&NV Hải Phòng), tr. 43.

(2), (3). Gilles Raffi, sđd, tr.120, 73.

(4). Các hiệp ước mà nước Pháp ký với An Nam, Cao Miên, Trung Hoa và Xiêm, Tài liệu viết tay tại Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ký hiệu LS-TL/0565.

(5). Báo cáo của Lãnh sự Pháp tại Hải Phòng, ngày 19-9-1875, hồ sơ số 13.116, Kho Toàn quyền Đông Dương, Trung tâm lưu trữ hải ngoại Aix-en-Provence, dẫn theo Gilles Raffi, sđd, tr. 68.

(6). L. Kreitmann, *Sở Xây dựng Bắc Kỳ dưới sự lãnh đạo của Bộ Hải quân*, dẫn theo Gilles Raffi, sđd, tr. 67.

(7). Claude Manceau, *Xây dựng quân sự tại Bắc Kỳ và Nam Kỳ*, dẫn theo Gilles Raffi, sđd, tr.71.

(8). Xem thêm Nguyễn Thị Hoài Phương, *Về quá trình thành lập cảng Hải Phòng - cảng lớn xứ Bắc Kỳ*, in trong "Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001-2006)", Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 562-571.

(9). Jean Dupuis, *A journey to Yunnan and the Opening of the Red River to Trade*, White Lotus Press, p.57.

(10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 98.

(11), (12). *Đại Nam thực lục* tập 4, sđd, tr. 64, 42.

(13), (14). Gilles Raffi, sđd, tr. 39.

(15). Claude Bourrin, *Bắc Kỳ xưa: sân khấu, thể thao, đời sống đô thị từ 1884 đến 1889*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 2005, tr.82.